

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/DS-ST

Ngày: 23/4/2026.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Tấn Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Phương Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần () K**. Địa chỉ: **4 P, phường R, tỉnh An Giang**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M** - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Anh **Tạ Chí D** - Chuyên viên Xử lý nợ khu vực – Trung tâm xử lý nợ - **Ngân hàng TMCP K** (Theo văn bản uỷ quyền số 491/UQ-NHKL ngày 16/9/2025 -Có mặt).

Bị đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1975. Địa chỉ theo hợp đồng: **ấp Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. (Nay là **ấp Đ, xã H, tỉnh An Giang** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** – Anh **Tạ Chí D** trình bày:*

Ngày 22/10/2010 ông **Phạm Văn H** có ký hợp đồng tín dụng số TD 3655-KE 12024 và phụ lục hợp đồng tín dụng cùng ngày để vay số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm trả nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả gốc vay trả thành 24 phân kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng và trả trùng với ngày nhận nợ đầu tiên, mỗi kỳ trả gốc lãi là 1.250.000 đồng, lãi tiền vay bên B phải trả đầy đủ lãi tiền vay cùng kỳ trả nợ gốc, hình thức vay là tín chấp. Ngày 26/10/2010 Ngân hàng đã giải ngân cho ông **Phạm Văn H** toàn bộ số tiền vay theo thỏa thuận.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông **Phạm Văn H** vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, cụ thể ông **H** chỉ thanh toán nợ gốc và lãi được 9 kỳ, sau đó thì không trả gốc và lãi cho Ngân hàng cho đến nay. Tính đến ngày 23/4/2026 ông **Phạm Văn H** còn nợ Ngân hàng số tiền vay tổng cộng là 109.737.660 đồng, trong đó gốc: 18.750.000 đồng, lãi trong hạn: 5.400.000 đồng, lãi chậm trả: 27.758.160 đồng và lãi quá hạn: 57.829.500 đồng.

Việc ông **Phạm Văn H** cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Do đó **Ngân hàng TMCP K** yêu cầu ông **Phạm Văn H** phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 23/4/2026 tổng cộng gốc và lãi là 109.737.660 đồng.

Đồng thời buộc ông **H** còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký số TD 3655-KE 12024 ngày 22/10/2010 với Ngân hàng tính từ ngày 24/4/2026 đến khi ông **H** hoàn thành việc trả nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn ông **Phạm Văn H**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông **Phạm Văn H** hợp lệ, tuy nhiên đến nay ông **H** vẫn vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông **H** đối với yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K**.*

** Tại phiên tòa.*

*- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của **Ngân hàng TMCP K** – Anh **Tạ Chí D** trình bày: Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả là 27.758.160 đồng. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi*

kiện của **Ngân hàng TMCP K** buộc ông **Phạm Văn H** phải trả cho Ngân hàng số tiền vay tạm tính đến ngày 23/4/2026 tổng cộng là 81.979.500 đồng, trong đó gồm gốc là 18.750.000 đồng và lãi là 63.299.500 đồng. Đồng thời buộc ông **H** phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 24/4/2026 đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** buộc ông **Phạm Văn H** phải trả cho Ngân hàng số tiền vay tạm tính đến ngày 23/4/2026 tổng cộng là 81.979.500 đồng, trong đó gồm gốc là 18.750.000 đồng và lãi là 63.299.500 đồng. Đồng thời buộc ông **H** phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 24/4/2026 đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** về việc rút yêu cầu đối với số tiền phạt chậm trả lãi.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, **Ngân hàng TMCP K** (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Phạm Văn H** phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Do đó Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông **Phạm Văn H** có nơi cư trú theo hợp đồng tín dụng là **ấp Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nay là **tại ấp Đ, xã H, tỉnh An Giang** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** về việc buộc ông **Phạm Văn H** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi

tính đến ngày 23/4/2026 tổng cộng là 81.979.500 đồng, trong đó gồm gốc là 18.750.000 đồng và lãi là 63.299.500 đồng. Đồng thời buộc ông **H** phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 24/4/2026 đến khi hoàn thành việc trả nợ cho Ngân hàng.

HĐXX nhận thấy: Vào ngày 22/10/2010 ông **Phạm Văn H** có ký hợp đồng tín dụng số: TD 3655-KE 12024 và phụ lục hợp đồng tín dụng số TĐ 3655 với **Ngân hàng TMCP K** để vay số tiền là 30.000.000 đồng. Mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm trả nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả gốc vay trả thành 24 phân kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng và trả trùng với ngày nhận nợ đầu tiên, mỗi kỳ trả gốc lãi là 1.250.000 đồng, lãi tiền vay bên B phải trả đầy đủ lãi tiền vay cùng kỳ trả nợ gốc, hình thức vay là tín chấp. Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông **H** đầy đủ số tiền vay vào ngày 26/10/2010. Quá trình thực hiện hợp đồng ông **H** đã trả gốc, lãi được 9 kỳ, từ tháng 11/2010 đến tháng 7/2011, sau đó thì không trả tiếp cho đến nay.

Tại thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, ông **Phạm Văn H** đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hợp đồng ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, ông **H** đồng ý với mức lãi suất cũng như hình thức thanh toán nợ từng kỳ theo hợp đồng nên ông **H** phải chịu trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Từ những lập luận nêu trên, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc ông **Phạm Văn H** phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 23/4/2026 tổng cộng là 81.979.500 đồng, trong đó gồm gốc là 18.750.000 đồng và lãi là 63.299.500 đồng. Đồng thời buộc ông **Phạm Văn H** phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 24/4/2026 đến khi hoàn thành việc trả nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông **Phạm Văn H** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 4.098.795 đồng.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP K** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K**. Buộc ông **Phạm Văn H** phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/4/2026 là 81.979.500 đồng (*T mươi một triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm đồng*). Trong đó tiền gốc là 18.750.000 đồng và lãi là 63.229.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong số tiền vay còn nợ, ông **Phạm Văn H** còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số TD 3655-KE 12024 ký ngày 20/10/2010 cho đến khi thanh toán xong nợ **Ngân hàng TMCP K**.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** về việc rút lại yêu cầu ông **Phạm Văn H** trả số tiền lãi chậm trả là 27.758.160 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông **Phạm Văn H** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 4.099.000 đồng (*Bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP K** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.489.000 đồng (*Hai triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009737 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn A